



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 3.11

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000001	DO THI LAN	女	1986-11-20	036186010449	LE 3.11	
2	H42506850200000002	NGUYEN THI LOAN	女	1997-02-04	036197012840	LE 3.11	
3	H42506850200000003	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2004-08-23	037304006480	LE 3.11	
4	H42506850200000004	PHU CHUY SO	女	2000-03-04	010300006776	LE 3.11	
5	H42506850200000005	DO TUAN HAI	男	1994-07-08	036094000292	LE 3.11	
6	H42506850200000006	NGUYEN THI HUONG	女	1994-07-01	036194014805	LE 3.11	
7	H42506850200000007	DOAN THI THAO	女	1998-08-08	036198009212	LE 3.11	
8	H42506850200000008	TRAN NGOC DIEP CHI	女	2009-01-04	036309003255	LE 3.11	
9	H42506850200000009	TRAN VAN HONG	男	1984-05-03	036084002237	LE 3.11	
10	H42506850200000010	TRIEU THUY CHAM	女	2005-11-08	020305004816	LE 3.11	
11	H42506850200000011	LY NGOC HUYEN	女	2001-10-22	020301005858	LE 3.11	
12	H42506850200000012	PHUONG THI TU	女	1997-02-12	020197004559	LE 3.11	
13	H42506850200000013	DONG KHANH NGOC	女	2008-07-09	036308014256	LE 3.11	
14	H42506850200000014	DONG KHANH LY	女	2008-07-09	036308013779	LE 3.11	
15	H42506850200000015	NGUYEN HOAI THUONG	女	2003-08-15	026303002151	LE 3.11	
16	H42506850200000016	HOANG THU HUE	女	2001-07-22	035301003235	LE 3.11	
17	H42506850200000017	VU PHUONG LINH	女	2003-10-31	040303002395	LE 3.11	
18	H42506850200000018	TRAN THU HA	女	2006-12-04	p03434197	LE 3.11	
19	H42506850200000019	PHAM THI KHANH LY	女	2007-08-11	026307007260	LE 3.11	
20	H42506850200000020	VU THANH NGAN	女	2006-07-21	022306000155	LE 3.11	
21	H42506850200000021	DAO BAO ANH	女	2004-11-09	001304037332	LE 3.11	
22	H42506850200000022	LUU QUOC KHANH	男	2003-09-25	031203003339	LE 3.11	
23	H42506850200000023	TRAN QUANG HUY	男	2006-07-25	030206002751	LE 3.11	
24	H42506850200000024	NGO GIA HUY	男	2008-10-16	027208013699	LE 3.11	
25	H42506850200000025	NGUYEN PHUONG THUY	女	2007-04-13	024307000302	LE 3.11	
26	H42506850200000026	LE THI THU	女	1988-11-20	027188004467	LE 3.11	
27	H42506850200000027	HOANG THI QUYEN	女	1992-11-13	019192011672	LE 3.11	
28	H42506850200000028	NGUYEN MINH HANG	女	2009-07-28	001309020009	LE 3.11	
29	H42506850200000029	NGUYEN QUOC KHANH	男	2010-09-02	022210004100	LE 3.11	
30	H42506850200000030	NGUYEN DON PHU BINH	男	2006-06-15	022206005824	LE 3.11	
31	H42506850200000031	HOANG NGOC BAO ANH	女	2006-11-29	022306001538	LE 3.11	
32	H42506850200000032	LE NGOC PHUONG LINH	女	2006-11-28	022306012347	LE 3.11	
33	H42506850200000033	NGUYEN MINH DUC	男	2007-09-12	022207001095	LE 3.11	
34	H42506850200000034	LAI PHUONG THAO	女	2006-07-31	022306007215	LE 3.11	
35	H42506850200000035	DUONG QUANG NHAT MINH	男	2006-10-27	022206009502	LE 3.11	
36	H42506850200000036	PHAM MINH DUC	男	2007-09-11	022207004121	LE 3.11	
37	H42506850200000037	NGUYEN NGOC LAM	女	2007-07-20	022307008723	LE 3.11	
38	H42506850200000038	BUI LE GIA KHANH	女	2011-11-10	022311010516	LE 3.11	
39	H42506850200000039	CONG HOANG LAN	男	2002-12-03	P02102085	LE 3.11	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000040	HA THI HAI YEN	女	2001-02-23	024301004934	LE 4.12	
2	H42506850200000041	NGUYEN THI LAN ANH	女	2008-08-07	024308012665	LE 4.12	
3	H42506850200000042	TRAN THI THANH HOA	女	2008-10-19	024308005790	LE 4.12	
4	H42506850200000043	BUI HOANG LONG	男	2008-11-13	025208014459	LE 4.12	
5	H42506850200000044	TRAN VAN TUAN	男	1999-07-11	026099002381	LE 4.12	
6	H42506850200000045	NGUYEN HIEN THUONG	女	2001-03-29	024301004818	LE 4.12	
7	H42506850200000046	BUI THI HUYEN	女	2004-09-25	038304010567	LE 4.12	
8	H42506850200000047	NGO THI THANH TUYEN	女	2009-07-21	036309008520	LE 4.12	
9	H42506850200000048	TRAN THI QUYEN	女	2001-11-17	024301007841	LE 4.12	
10	H42506850200000049	DINH TIEN DUC	男	2006-06-29	022206007393	LE 4.12	
11	H42506850200000050	NGO DUC HUAN	男	2006-05-11	022206000617	LE 4.12	
12	H42506850200000051	LE KHANH NGAN	女	2008-01-12	015308004404	LE 4.12	
13	H42506850200000052	BUI HOANG HA MY	女	2008-06-28	025308005367	LE 4.12	
14	H42506850200000053	VU DUC MANH	男	2002-05-20	022202004093	LE 4.12	
15	H42506850200000054	VU VAN DAI	男	1987-07-25	038087026472	LE 4.12	
16	H42506850200000055	NGUYEN KIEU ANH	女	2003-03-04	034303012784	LE 4.12	
17	H42506850200000056	NGUYEN THI THAO NGUYEN	女	2006-09-09	027306010091	LE 4.12	
18	H42506850200000057	VU HAI HA	女	2002-10-03	022302003946	LE 4.12	
19	H42506850200000058	TRINH THI HONG ANH	女	2002-04-14	037302004518	LE 4.12	
20	H42506850200000059	VU THI KIM QUE	女	2004-08-24	036304009830	LE 4.12	
21	H42506850200000060	NGUYEN THI LUYEN	女	1995-05-05	038195007277	LE 4.12	
22	H42506850200000061	PHAM THI NGOC LINH	女	2003-04-22	025303001202	LE 4.12	
23	H42506850200000062	DAO MINH THU	女	2008-06-28	024308005899	LE 4.12	
24	H42506850200000063	DUONG BICH HONG	女	2003-07-20	020303001874	LE 4.12	
25	H42506850200000064	LUU LINH LINH	女	2002-12-14	019302004456	LE 4.12	
26	H42506850200000065	NGO GIA LINH	女	2008-03-26	038308020376	LE 4.12	
27	H42506850200000066	TRINH NGUYEN HAU	男	2008-11-11	022208000107	LE 4.12	
28	H42506850200000067	VU MINH TRANG	女	2009-09-10	036309012281	LE 4.12	
29	H42506850200000068	HOANG LE TUAN VU	男	2008-08-20	036208005220	LE 4.12	
30	H42506850200000069	TRAN THI THUY PHUONG	女	2000-02-21	037300000501	LE 4.12	
31	H42506850200000070	NONG THU HONG	女	2000-12-11	004300003766	LE 4.12	
32	H42506850200000071	NGUYEN DINH NHAT	男	2001-02-14	001201002159	LE 4.12	
33	H42506850200000072	DANG THI LINH	女	1999-02-14	038199024918	LE 4.12	
34	H42506850200000073	VANG LAN HUONG	女	2006-01-08	010306000101	LE 4.12	
35	H42506850200000074	HOANG PHUONG TRANG	女	2001-09-12	026301000342	LE 4.12	
36	H42506850200000075	LY THI DAO	女	2006-09-22	022306007628	LE 4.12	
37	H42506850200000076	PHAN LAM DUNG	男	2008-12-16	024208006900	LE 4.12	
38	H42506850200000077	VU VAN VUONG	男	1996-01-19	036096010455	LE 4.12	
39	H42506850200000078	HA MINH THU	女	2006-08-19	K0564964	LE 4.12	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H4250685020000079	TRIEU VAN QUANG	nam	2002-10-23	020202005662	LE 4.14	
2	H4250685020000080	TRAN NGOC LINH	nữ	2004-09-09	031304003377	LE 4.14	
3	H4250685020000081	NGUYEN THI NHUNG	nữ	1998-09-06	066198015612	LE 4.14	
4	H4250685020000082	NGUYEN THI HONG NHUNG	nữ	1996-10-25	026196000782	LE 4.14	
5	H4250685020000083	NGUYEN THI NGOC ANH	nữ	2003-08-04	030303009640	LE 4.14	
6	H4250685020000084	TRIEU VU HUNG	nam	2004-07-14	024204000318	LE 4.14	
7	H4250685020000085	NGUYEN THI PHUONG	nữ	1997-04-12	034197003862	LE 4.14	
8	H4250685020000086	MAI YEN NHI	nữ	2008-11-05	036308002989	LE 4.14	
9	H4250685020000087	TRAN THI YEN	nữ	2004-02-07	019304003243	LE 4.14	
10	H4250685020000088	BUI THI THANH TAM	nữ	2004-12-30	034304007185	LE 4.14	
11	H4250685020000089	NGUYEN THI THU PHUONG	nữ	2004-01-30	019304009565	LE 4.14	
12	H4250685020000090	LUONG THE SU	nam	2004-08-26	034204005110	LE 4.14	
13	H4250685020000091	DAO THI HANG	nữ	1993-11-21	034193014607	LE 4.14	
14	H4250685020000092	LE THI LY	nữ	2003-08-15	034303012656	LE 4.14	
15	H4250685020000093	MAI THI LINH	nữ	1998-02-03	034198000582	LE 4.14	
16	H4250685020000094	NGUYEN THI QUYNH TRANG	nữ	2008-12-13	034308006668	LE 4.14	
17	H4250685020000095	HA THI THUY LINH	nữ	2008-10-19	034308001319	LE 4.14	
18	H4250685020000096	VU THI VAN ANH	nữ	2006-05-27	034306007241	LE 4.14	
19	H4250685020000097	PHAM THI DIEM	nữ	2002-05-27	034302006803	LE 4.14	
20	H4250685020000098	NGUYEN THI ANH TUYET	nữ	2002-11-10	034302001510	LE 4.14	
21	H4250685020000099	LY HONG GIANG	nữ	1989-02-07	034189008870	LE 4.14	
22	H4250685020000100	VU THI LAN ANH	nữ	2000-09-03	034300005485	LE 4.14	
23	H4250685020000101	TA PHUONG THAO	nữ	2009-12-15	034309004634	LE 4.14	
24	H4250685020000102	HOANG THI THUY	nữ	2002-09-21	034302009754	LE 4.14	
25	H4250685020000103	BUI THI XUAN	nữ	1992-10-29	034192005000	LE 4.14	
26	H4250685020000104	NGUYEN THI THU THAO	nữ	2002-01-27	034302001557	LE 4.14	
27	H4250685020000105	VU THI NGOC	nữ	2003-02-20	034303011451	LE 4.14	
28	H4250685020000106	NGUYEN THI THU HOAI	nữ	1995-07-20	034195010472	LE 4.14	
29	H4250685020000107	TRAN THI MINH THU	nữ	2003-10-25	034303012963	LE 4.14	
30	H4250685020000108	NGUYEN THI TRANG	nữ	2003-09-22	034303004897	LE 4.14	
31	H4250685020000109	NGUYEN VIET CHINH	nữ	1994-01-11	034194002154	LE 4.14	
32	H4250685020000110	LAM THI HAI YEN	nữ	1993-03-04	034193008021	LE 4.14	
33	H4250685020000111	DOAN THI TRANG	nữ	2000-09-04	034300005530	LE 4.14	
34	H4250685020000112	TO THI LUONG TAM	nữ	1998-04-23	034188008396	LE 4.14	
35	H4250685020000113	PHAM NGOC DIEP	nữ	2008-12-09	024308012124	LE 4.14	
36	H4250685020000114	LUONG THANH NGA	nữ	2008-02-28	024308011757	LE 4.14	
37	H4250685020000115	NGUYEN MANH QUANG	nam	2008-05-13	024208000162	LE 4.14	
38	H4250685020000116	NGUYEN TRAN KHANH LAM	nam	2008-08-30	024208016000	LE 4.14	
39	H4250685020000117	NGUYEN YEN VI	nữ	2008-06-13	024308007261	LE 4.14	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000118	TRAN HA MY	女	2004-09-29	035304000453	LE 4.15	
2	H42506850200000119	NGUYEN THI TRANG	女	2001-09-11	027301002403	LE 4.15	
3	H42506850200000120	PHAM THI NHU Y	女	2002-07-04	010302007685	LE 4.15	
4	H42506850200000121	NGUYEN THI MINH PHUONG	女	2008-06-14	027308004215	LE 4.15	
5	H42506850200000122	NGUYEN THI LAN	女	2000-02-17	004300006444	LE 4.15	
6	H42506850200000123	NGO THI NGOC ANH	女	2008-12-06	024308047999	LE 4.15	
7	H42506850200000124	NGUYEN THI HUONG GIANG	女	2008-10-27	024308007556	LE 4.15	
8	H42506850200000125	NGO QUANG TRUNG ANH	男	2008-06-04	024208011421	LE 4.15	
9	H42506850200000126	LE NHAT LINH	女	2008-10-13	024308000099	LE 4.15	
10	H42506850200000127	NGO QUANG TUYEN	男	2008-07-25	024208010005	LE 4.15	
11	H42506850200000128	VU PHUONG LINH	女	1998-11-24	024198000947	LE 4.15	
12	H42506850200000129	NGUYEN THI ANH NGOC	女	2002-12-01	027302006199	LE 4.15	
13	H42506850200000130	PHAM THI MINH ANH	女	2006-09-16	026306005775	LE 4.15	
14	H42506850200000131	LUONG VIET HOA	女	2008-02-28	P01364247	LE 4.15	
15	H42506850200000132	TAI THI KIEU	女	2006-10-01	010306002743	LE 4.15	
16	H42506850200000133	NGUYEN BA TRUNG	男	1997-02-13	040097002255	LE 4.15	
17	H42506850200000134	NGUYEN MAI LINH	女	2006-10-13	036306009507	LE 4.15	
18	H42506850200000135	LE THI LAM	女	2003-03-22	038303024585	LE 4.15	
19	H42506850200000136	LE THI MAI ANH	女	2004-12-25	038304029488	LE 4.15	
20	H42506850200000137	MAI THI THUY LINH	女	2003-01-30	038303010972	LE 4.15	
21	H42506850200000138	NGUYEN BAO NGOC	女	2008-08-26	019308001512	LE 4.15	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000139	LUONG THI THUY NGAN	女	2009-05-19	036309012176	LE 4.16	
2	H42506850200000140	NGUYEN PHUONG NHAT THUONG	女	2005-09-30	075305012062	LE 4.16	
3	H42506850200000141	LAI THI KHANH LY	女	2003-10-16	035303000412	LE 4.16	
4	H42506850200000142	NGUYEN MINH DUC	男	2002-05-05	022202002642	LE 4.16	
5	H42506850200000143	NGUYEN QUYNH ANH	女	1998-05-21	017198002729	LE 4.16	
6	H42506850200000144	DUONG THI THU HANG	女	2008-06-09	026308005719	LE 4.16	
7	H42506850200000145	DIEM HA ANH	女	2003-02-27	027303007703	LE 4.16	
8	H42506850200000146	MAI THU QUYNH	女	2008-11-07	036308017027	LE 4.16	
9	H42506850200000147	DINH THI THANH NHAN	女	1989-06-27	037189011828	LE 4.16	
10	H42506850200000148	NONG VINH TRUONG	男	2005-11-03	010205000194	LE 4.16	
11	H42506850200000149	PHAM DUC THANH	男	2004-06-10	001204012890	LE 4.16	
12	H42506850200000150	DINH THI THU HA	女	2007-10-19	025307012139	LE 4.16	
13	H42506850200000151	NGUYEN KHAC DANG HUY	男	2001-03-21	001201006278	LE 4.16	
14	H42506850200000152	VU THI HUONG	女	2001-06-19	034301008307	LE 4.16	
15	H42506850200000153	HOANG THI HANG	女	2007-09-24	038307027920	LE 4.16	
16	H42506850200000154	NGUYEN THI KHANH VAN	女	2003-01-24	031303005452	LE 4.16	
17	H42506850200000155	HOANG THI KIEU	女	1999-07-12	022199005575	LE 4.16	
18	H42506850200000156	BANG THI TUYET	女	2001-09-16	026301001833	LE 4.16	
19	H42506850200000157	LE THI HONG MINH	女	2004-09-04	026304000262	LE 4.16	
20	H42506850200000158	NGUYEN HOANG ANH	男	2006-06-11	031206004498	LE 4.16	
21	H42506850200000159	LAM THI THANH THAO	女	2004-10-05	038304023577	LE 4.16	



**TRUNG TÂM
KHẢO THÍ**
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000160	CHU THI HA	女	1994-11-18	027194007742	LE 5.17	
2	H42506850200000161	VU NHAT GIANG HUONG	女	1999-03-23	010199002457	LE 5.17	
3	H42506850200000162	HOANG THI DAO	女	1989-09-07	036189009580	LE 5.17	
4	H42506850200000163	DO VAN VI	男	2003-10-12	022203008033	LE 5.17	
5	H42506850200000164	NONG THI CUC	女	2006-05-10	004306005750	LE 5.17	
6	H42506850200000165	HOANG THI CHAM	女	2005-01-26	027305002436	LE 5.17	
7	H42506850200000166	THIEU THI NGOC TRAM	女	2000-12-20	038300007237	LE 5.17	
8	H42506850200000167	NGUYEN TUAN KHANG	男	2008-12-10	001208042178	LE 5.17	
9	H42506850200000168	HOANG PHUONG TRANG	女	2008-01-16	019308008450	LE 5.17	
10	H42506850200000169	BE HUONG LY	女	2003-11-05	004303000707	LE 5.17	
11	H42506850200000170	THAN THU PHUONG	女	2006-04-27	024306000166	LE 5.17	
12	H42506850200000171	TRAN THI HUE	女	1995-11-20	036195019628	LE 5.17	
13	H42506850200000172	NGUYEN HAI YEN	女	2009-08-07	036309009069	LE 5.17	
14	H42506850200000173	TRAN THI PHUONG GIANG	女	1994-12-26	036194020786	LE 5.17	
15	H42506850200000174	CHU THI NGOT	女	1989-06-03	036189022884	LE 5.17	
16	H42506850200000175	TO XUAN HA	女	2006-09-22	004306003976	LE 5.17	
17	H42506850200000176	LE QUANG THANH	男	1995-02-08	027095011508	LE 5.17	
18	H42506850200000177	LAM PHUONG THAO	女	2009-09-26	036309004787	LE 5.17	
19	H42506850200000178	NGUYEN THI MAI LINH	女	2009-09-25	036309013767	LE 5.17	
20	H42506850200000179	NGUYEN THI NGOC DIEP	女	2008-10-26	036308001414	LE 5.17	
21	H42506850200000180	PHAM THANH HUYEN	女	2008-12-24	036308018487	LE 5.17	
22	H42506850200000181	NGO THI HUYEN DIEU	女	2009-10-24	036309004206	LE 5.17	
23	H42506850200000182	VU MINH HAI	女	2007-12-09	027307003398	LE 5.17	
24	H42506850200000183	PHAM HA ANH	女	2005-02-24	030305001635	LE 5.17	
25	H42506850200000184	VUONG THI NGOC ANH	女	2004-06-22	026304003243	LE 5.17	
26	H42506850200000185	VU THI NHU QUYNH	女	2009-09-19	036309015263	LE 5.17	
27	H42506850200000186	PHAM PHUONG NHI	女	2009-04-25	036309005609	LE 5.17	
28	H42506850200000187	NGUYEN PHUONG ANH	女	2005-06-25	020305006871	LE 5.17	
29	H42506850200000188	DOAN PHUONG LINH	女	2004-08-08	031304008190	LE 5.17	
30	H42506850200000189	LE THAO HIEN	女	2007-06-05	022307005466	LE 5.17	
31	H42506850200000190	NGUYEN NGOC DAI	男	2008-12-23	001208013253	LE 5.17	
32	H42506850200000191	NGUYEN THI THU TRANG	女	2003-11-01	024303002191	LE 5.17	
33	H42506850200000192	NGO TRAN TRANG LINH	女	2005-02-02	033305000393	LE 5.17	
34	H42506850200000193	NGUYEN MINH CHAU	女	2008-09-18	001308005839	LE 5.17	
35	H42506850200000194	NGO THU HIEN	女	2003-03-19	031303004086	LE 5.17	
36	H42506850200000195	DO THI XUAN	女	2000-02-11	033300004162	LE 5.17	
37	H42506850200000196	NGUYEN XUAN BACH	男	1986-07-27	022086006381	LE 5.17	
38	H42506850200000197	NGUYEN THI HAI YEN	女	1993-11-02	e02287903	LE 5.17	
39	H42506850200000198	DO THI MAI LINH	女	2006-11-22	038306016050	LE 5.17	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000199	NGUYEN HOANG NINH	nam	2008-12-12	024208008458	LE 5.18	
2	H42506850200000200	NGUYEN THI DUYEN	nữ	2008-05-03	024308012324	LE 5.18	
3	H42506850200000201	NGUYEN PHUONG LINH	nữ	2008-03-20	024308009974	LE 5.18	
4	H42506850200000202	LE THI HONG PHAN	nữ	2008-09-05	024308009481	LE 5.18	
5	H42506850200000203	NGUYEN THI NGUYEN	nữ	2008-04-27	024308005935	LE 5.18	
6	H42506850200000204	HOANG THI PHUONG ANH	nữ	2008-09-27	024308006234	LE 5.18	
7	H42506850200000205	LE THI ANH THU	nữ	2008-02-24	024308008666	LE 5.18	
8	H42506850200000206	NGUYEN THAO MY	nữ	2008-10-12	024308008985	LE 5.18	
9	H42506850200000207	NGO THI NGOC HA	nữ	2008-05-15	024308002780	LE 5.18	
10	H42506850200000208	NGUYEN THI KHANH LY	nữ	2008-04-06	024308002015	LE 5.18	
11	H42506850200000209	ONG XUAN DUONG	nam	1997-05-22	024097011454	LE 5.18	
12	H42506850200000210	NGUYEN THI THUY DUONG	nữ	2009-09-11	022309001790	LE 5.18	
13	H42506850200000211	TA THU HUYEN	nữ	2010-01-28	022310005467	LE 5.18	
14	H42506850200000212	NGUYEN THANH TUNG	nam	1998-11-16	022098012375	LE 5.18	
15	H42506850200000213	BUI MAI TRANG	nữ	2008-09-06	022308008125	LE 5.18	
16	H42506850200000214	DUONG DANH GIA HUY	nam	2012-05-10	030212022472	LE 5.18	
17	H42506850200000215	DINH THI HOAN	nữ	1994-08-02	022194010761	LE 5.18	
18	H42506850200000216	LUONG VAN SANG	nam	2006-06-28	014206012892	LE 5.18	
19	H42506850200000217	LE HOANG THUY QUYNH	nữ	1997-05-06	022197009117	LE 5.18	
20	H42506850200000218	VU KHANH NAM	nam	2002-12-12	022202002998	LE 5.18	
21	H42506850200000219	NGUYEN KHANH LINH	nữ	2003-02-22	022303006199	LE 5.18	
22	H42506850200000220	NGUYEN VAN THANH	nam	2001-10-25	022201003156	LE 5.18	
23	H42506850200000221	DINH THI NGOC HUYEN	nữ	2006-12-29	022306001916	LE 5.18	
24	H42506850200000222	BUI THANH TAM	nữ	2009-08-20	022309010351	LE 5.18	
25	H42506850200000223	NGUYEN THI HA	nữ	2008-11-14	024308008608	LE 5.18	
26	H42506850200000224	NGUYEN THU HIEN	nữ	2009-05-13	022309000625	LE 5.18	
27	H42506850200000225	VU THI THU HA	nữ	2006-02-01	022306007851	LE 5.18	
28	H42506850200000226	VU THI HOA	nữ	2007-04-02	022307000866	LE 5.18	
29	H42506850200000227	HOANG THU NHAN	nữ	2000-03-22	030300009490	LE 5.18	
30	H42506850200000228	DUONG THI HIEN	nữ	2008-10-15	024308005962	LE 5.18	
31	H42506850200000229	NGUYEN THI HUE	nữ	1992-07-15	030192016753	LE 5.18	
32	H42506850200000230	LE TUNG DUONG	nam	2004-08-14	024204003329	LE 5.18	
33	H42506850200000231	NGUYEN CAM LY	nữ	2006-10-20	022306004570	LE 5.18	
34	H42506850200000232	LE THI LUONG	nữ	2006-11-11	022306004548	LE 5.18	
35	H42506850200000233	NGUYEN HOANG THANH NGOC	nữ	2008-12-06	024308006663	LE 5.18	
36	H42506850200000234	VU VIET CUONG	nam	1997-12-19	022097002301	LE 5.18	
37	H42506850200000235	NGUYEN VAN HOANG ANH	nam	2008-05-06	038208011413	LE 5.18	
38	H42506850200000236	QUACH THI DIEU LINH	nữ	2006-03-13	038306010089	LE 5.18	
39	H42506850200000237	NGUYEN THANH DUNG	nữ	2002-10-13	001302013872	LE 5.18	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H4250685020000238	GIANG THI CHIA	女	2001-03-13	014301010181	LE 5.19	
2	H4250685020000239	THAN DUONG QUYNH ANH	女	2008-11-01	024308013356	LE 5.19	
3	H4250685020000240	NGUYEN THI THU HUYEN	女	2008-09-02	024308008734	LE 5.19	
4	H4250685020000241	TRAN THI LAN ANH	女	2008-04-19	024308011348	LE 5.19	
5	H4250685020000242	NGUYEN THI NHUNG	女	1982-07-01	024182009951	LE 5.19	
6	H4250685020000243	NHU THI LE HUYEN	女	1998-08-21	024198005290	LE 5.19	
7	H4250685020000244	LE VAN HA NAM	男	2006-08-20	024206010324	LE 5.19	
8	H4250685020000245	NGUYEN THI THANH HA	女	2008-04-01	024308009020	LE 5.19	
9	H4250685020000246	AU QUOC HUY	男	2008-08-28	024208013073	LE 5.19	
10	H4250685020000247	TRAN THI DUONG	女	2008-08-01	024308003016	LE 5.19	
11	H4250685020000248	HOANG THI THOM	女	2008-02-18	024308013455	LE 5.19	
12	H4250685020000249	NGUYEN THI HOA	女	2008-01-28	024308003989	LE 5.19	
13	H4250685020000250	DUONG NGOC HOAI	女	2008-07-19	024308010048	LE 5.19	
14	H4250685020000251	NGUYEN THI THUY LINH	女	2008-03-20	024308000546	LE 5.19	
15	H4250685020000252	TRAN MINH QUAN	男	2008-02-15	024208007791	LE 5.19	
16	H4250685020000253	LE THI HA PHUONG	女	2008-12-16	024308010106	LE 5.19	
17	H4250685020000254	PHAM MINH PHUONG	女	2008-05-17	024308005621	LE 5.19	
18	H4250685020000255	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	2008-11-23	024308010109	LE 5.19	
19	H4250685020000256	NGUYEN THI HUYEN TRANG	女	2008-10-20	024308011895	LE 5.19	
20	H4250685020000257	LE HUU HOAT	男	2008-11-08	024208006060	LE 5.19	
21	H4250685020000258	LE QUYNH TRANG	女	2008-11-05	024308013476	LE 5.19	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000259	VU THI MEN	女	1993-05-01	024193000786	LE 5.20	
2	H42506850200000260	LE PHUONG ANH	女	2009-02-04	022309012563	LE 5.20	
3	H42506850200000261	HA THANH XUAN	女	1996-08-18	008196003946	LE 5.20	
4	H42506850200000262	NGUYEN NGOC THAI	男	2006-06-26	034206009489	LE 5.20	
5	H42506850200000263	NGUYEN DUY SINH	男	2006-09-20	001206015208	LE 5.20	
6	H42506850200000264	TRUONG THI VAN	女	1996-08-28	042196009259	LE 5.20	
7	H42506850200000265	NGUYEN LAN PHUONG	女	2005-10-29	001305023810	LE 5.20	
8	H42506850200000266	VU HOANG MAI	女	2008-09-11	019308000471	LE 5.20	
9	H42506850200000267	PHAM THI KHANH CHI	女	2005-08-20	040305001840	LE 5.20	
10	H42506850200000268	LE TRANG MINH	女	2004-01-12	027304010273	LE 5.20	
11	H42506850200000269	NGUYEN THI PHUONG ANH	女	2004-10-26	040304002769	LE 5.20	
12	H42506850200000270	TRAN MAI PHUONG	女	2000-08-12	034300004044	LE 5.20	
13	H42506850200000271	HOANG THI MINH PHUONG	女	2004-02-04	031304000049	LE 5.20	
14	H42506850200000272	NGUYEN THI THUY TIEN	女	2000-02-14	025300005107	LE 5.20	
15	H42506850200000273	DAO THI OANH	女	1995-08-02	024195001927	LE 5.20	
16	H42506850200000274	TRAN QUOC THANG	男	2004-07-26	022204004772	LE 5.20	
17	H42506850200000275	VU THI MY DUYEN	女	2005-02-16	022305008007	LE 5.20	
18	H42506850200000276	NGUYEN THI HAU	女	2006-08-03	022306008143	LE 5.20	
19	H42506850200000277	NGUYEN THI KIM THANH	女	2006-04-23	022306009646	LE 5.20	
20	H42506850200000278	NGO VAN MUOI TRUNG	男	1997-08-28	022097002169	LE 5.20	
21	H42506850200000279	NGUYEN KHANH LY	女	2007-06-04	022307004478	LE 5.20	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000280	LA THI THANH THANH	女	2008-12-04	015308006716	LE 5.21	
2	H42506850200000281	NGUYEN MINH QUANG	男	2002-11-15	015202007777	LE 5.21	
3	H42506850200000282	LY THI PHUONG DUYEN	女	2006-12-15	022306009276	LE 5.21	
4	H42506850200000283	LE ANH THU	女	2008-11-06	001308052321	LE 5.21	
5	H42506850200000284	NGUYEN KHAC MINH	男	2002-10-11	035202001652	LE 5.21	
6	H42506850200000285	PHUN THI MINH HIEU	女	2003-11-25	022303005252	LE 5.21	
7	H42506850200000286	LE MINH TIEN	男	2002-01-06	019202004941	LE 5.21	
8	H42506850200000287	LO THI PHUONG	女	2003-08-08	012303001210	LE 5.21	
9	H42506850200000288	MAI THI HUYEN TRANG	女	2004-12-28	027304004435	LE 5.21	
10	H42506850200000289	DUONG THI LE HANG	女	2003-11-21	019303000470	LE 5.21	
11	H42506850200000290	TAN THAO PAO	男	2006-08-14	002206005577	LE 5.21	
12	H42506850200000291	DANG THI PHUONG THAO	女	2002-08-20	019302008853	LE 5.21	
13	H42506850200000292	NGUYEN VAN TRINH	男	1985-01-29	027085000598	LE 5.21	
14	H42506850200000293	HOANG VAN TRUONG	男	2007-09-16	025207013789	LE 5.21	
15	H42506850200000294	BUI THI HONG NHUNG	女	1996-09-04	030196012569	LE 5.21	
16	H42506850200000295	NGUYEN HOANG DIEP TRANG	女	2008-11-22	001308030121	LE 5.21	
17	H42506850200000296	VU THI HONG NGOC	女	2003-04-16	017303008247	LE 5.21	
18	H42506850200000297	PHAM THI HUONG GIANG	女	2006-11-02	037306000312	LE 5.21	
19	H42506850200000298	TRAN VAN BACH	男	2001-10-19	033201003491	LE 5.21	
20	H42506850200000299	KIEU HIEN LUONG	男	1997-09-12	025097001551	LE 5.21	
21	H42506850200000300	NGUYEN THI LAN	女	2003-03-12	019303000902	LE 5.21	
22	H42506850200000301	LE THI TINH	女	2000-07-23	042300010184	LE 5.21	
23	H42506850200000302	NGUYEN THI THU SANG	女	2005-12-16	015305001710	LE 5.21	
24	H42506850200000303	NGUYEN MINH THAI	男	2006-03-05	001206092394	LE 5.21	
25	H42506850200000304	NGUYEN THI THUY	女	2002-01-13	038302018936	LE 5.21	
26	H42506850200000305	LE VAN NAM	男	2001-04-17	044201000063	LE 5.21	
27	H42506850200000306	DINH VU THANH NAM	男	2005-04-29	022205000103	LE 5.21	
28	H42506850200000307	PHAM THI QUYNH LOAN	女	2006-01-17	027306005904	LE 5.21	
29	H42506850200000308	TRAN TUE MINH	女	2008-02-22	001308018391	LE 5.21	
30	H42506850200000309	NGUYEN THU CHANG	女	2002-01-08	033302003700	LE 5.21	
31	H42506850200000310	NGUYEN SY SON	男	1999-10-07	038099027484	LE 5.21	
32	H42506850200000311	NGUYEN THI BICH LAM	女	2002-10-11	062302004647	LE 5.21	
33	H42506850200000312	NGUYEN THU TRANG	女	2000-11-01	038300000127	LE 5.21	
34	H42506850200000313	LUONG THI THUY TRANG	女	2004-04-01	036304002740	LE 5.21	
35	H42506850200000314	LY MAI ANH	女	2003-11-14	008303000240	LE 5.21	
36	H42506850200000315	NGUYEN THI XUAN	女	2003-09-22	020303002012	LE 5.21	
37	H42506850200000316	LE THAO LINH	女	2009-02-12	022309006310	LE 5.21	
38	H42506850200000317	HA THE DAN	男	2007-04-19	004207000429	LE 5.21	
39	H42506850200000318	NGUYEN HAI LINH	女	1998-07-10	037198008979	LE 5.21	



**TRUNG TÂM
KHẢO THÍ
VÀ QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 1.1

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000319	LE THI THAO LAM	女	1998-02-06	038198002605	LR 1.1	
2	H42506850200000320	DO THI THANH	女	1998-01-12	038198012359	LR 1.1	
3	H42506850200000321	TRAN THI THUY	女	1991-08-10	030191012373	LR 1.1	
4	H42506850200000322	PHUN ANH THAO	女	2000-07-28	022300005498	LR 1.1	
5	H42506850200000323	PHAM THI ANH	女	2007-02-23	040307011139	LR 1.1	
6	H42506850200000324	DOAN THI MINH PHUONG	女	2006-09-11	022306003525	LR 1.1	
7	H42506850200000325	HA THI NGAT	女	1997-12-02	024197011936	LR 1.1	
8	H42506850200000326	VI THI HOA	女	2002-03-06	024302002762	LR 1.1	
9	H42506850200000327	NGUYEN KHANH NGOC	女	2008-12-01	022308002678	LR 1.1	
10	H42506850200000328	NGUYEN MINH NGUYEN	男	2008-01-10	027208011307	LR 1.1	
11	H42506850200000329	NGUYEN THI LUONG	女	2008-05-13	027308010607	LR 1.1	
12	H42506850200000330	DAM TRAN HA ANH	女	2008-06-09	038308015698	LR 1.1	
13	H42506850200000331	NGUYEN MAI HUONG	女	2000-04-17	030300002331	LR 1.1	
14	H42506850200000332	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	2003-10-14	025303002745	LR 1.1	
15	H42506850200000333	HA VAN HAI	男	1999-04-03	024099009522	LR 1.1	
16	H42506850200000334	DUONG MINH HANG	女	2006-11-03	008306008462	LR 1.1	
17	H42506850200000335	VU TRUC AN	女	2008-05-31	038308012799	LR 1.1	
18	H42506850200000336	PHAM THI DUNG	女	2004-03-10	036304005738	LR 1.1	
19	H42506850200000337	BUI NGOC MAI	女	2008-07-10	026308000166	LR 1.1	
20	H42506850200000338	LE DINH TUNG	男	2000-03-24	001200037299	LR 1.1	
21	H42506850200000339	LE TUAN VU	男	2001-02-11	025201000212	LR 1.1	
22	H42506850200000340	NGUYEN DIEP ANH	女	2007-12-20	022307003561	LR 1.1	
23	H42506850200000341	VI DIEP THUONG	女	2007-05-21	022307010557	LR 1.1	
24	H42506850200000342	PHAM DUC BACH	男	2006-11-26	010206010934	LR 1.1	
25	H42506850200000343	NGUYEN BAO NGAN	女	2003-11-06	024303000202	LR 1.1	
26	H42506850200000344	TRAN THI VAN	女	2000-06-09	040300013775	LR 1.1	
27	H42506850200000345	TRIEU THI THUY DUNG	女	2002-02-15	019302000179	LR 1.1	
28	H42506850200000346	NGUYEN MINH KHUE	女	2011-07-04	040311009966	LR 1.1	
29	H42506850200000347	NGUYEN THANH THAO	女	2003-10-26	001303041156	LR 1.1	
30	H42506850200000348	LIENG THI VAN	女	1999-06-28	010199008168	LR 1.1	
31	H42506850200000349	PHAM XUAN TRUONG	男	1997-02-02	034097002690	LR 1.1	
32	H42506850200000350	DANG TIEN DAT	男	2008-08-15	022208008129	LR 1.1	
33	H42506850200000351	PHAM TRUNG HIEU	男	2006-07-19	036206025627	LR 1.1	
34	H42506850200000352	NGUYEN THUY DUNG	女	2007-07-01	026307004270	LR 1.1	



**TRUNG TÂM
KHẢO THỬ
VÀ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 2.3**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000353	NGUYEN BICH PHUONG	女	2003-11-09	019303002830	LR 2.3	
2	H42506850200000354	NGUYEN DUC HIEP	男	2003-04-19	026203008213	LR 2.3	
3	H42506850200000355	PHAN YEN NHI	女	2008-02-03	008308000112	LR 2.3	
4	H42506850200000356	HAU THI LINH	女	2004-01-01	022304003762	LR 2.3	
5	H42506850200000357	TRAN THI NAM	女	1999-05-23	019199002653	LR 2.3	
6	H42506850200000358	PHAN HOAI THU	女	2001-09-15	026301000339	LR 2.3	
7	H42506850200000359	NGUYEN BAO NGAN	女	2009-04-06	027309007906	LR 2.3	
8	H42506850200000360	NGUYEN THI HUYEN TRANG	女	2008-01-07	027308001330	LR 2.3	
9	H42506850200000361	HA HONG NHUNG	女	2003-11-07	020303003223	LR 2.3	
10	H42506850200000362	DANG HOA NHA	女	2001-01-04	001301009755	LR 2.3	
11	H42506850200000363	PHAN THI NGOC ANH	女	2007-07-10	022307006801	LR 2.3	
12	H42506850200000364	DAO THU HUYEN	女	2000-09-22	03430000419	LR 2.3	
13	H42506850200000365	HOANG HANH DAN	女	2008-09-15	026308008370	LR 2.3	
14	H42506850200000366	NGUYEN THU THUY	女	2008-01-13	038308025669	LR 2.3	
15	H42506850200000367	DO THAI HA AN	女	2005-06-04	001305019381	LR 2.3	
16	H42506850200000368	TONG THI THAO NGUYEN	女	2008-04-02	038308008448	LR 2.3	
17	H42506850200000369	NGUYEN THU HANG	女	1994-07-01	034194000876	LR 2.3	
18	H42506850200000370	NGUYEN THI THU	女	1986-02-24	001186000955	LR 2.3	
19	H42506850200000371	NGUYEN PHUONG THAO	女	2008-11-23	031308007217	LR 2.3	
20	H42506850200000372	PHAM DUC LUONG	男	2000-04-17	022200000843	LR 2.3	
21	H42506850200000373	LY THI THU VAN	女	2004-06-08	006304000835	LR 2.3	
22	H42506850200000374	NGUYEN DUC THANG	男	2002-12-22	027202005757	LR 2.3	
23	H42506850200000375	HOANG VAN SANG	男	2002-11-14	040202022949	LR 2.3	
24	H42506850200000376	NGUYEN DINH MINH QUANG	男	2006-05-05	001206083447	LR 2.3	
25	H42506850200000377	NGUYEN NGOC TUAN	男	1996-12-31	034096015199	LR 2.3	
26	H42506850200000378	NGUYEN THUY DUONG	女	2003-05-26	033303005717	LR 2.3	
27	H42506850200000379	TRAN THI THUY DUONG	女	2005-03-10	031305010419	LR 2.3	
28	H42506850200000380	NGUYEN CAO DUC THUAN	男	2006-08-04	001206025498	LR 2.3	
29	H42506850200000381	NGUYEN CAM TU	女	2004-08-15	019304000809	LR 2.3	
30	H42506850200000382	NGUYEN HA TRANG	女	2003-12-16	035303001411	LR 2.3	
31	H42506850200000383	NGUYEN THI NGOC HUYEN	女	1998-11-29	036198008955	LR 2.3	
32	H42506850200000384	TRAN THI HAI YEN	女	2006-08-13	035306008532	LR 2.3	
33	H42506850200000385	VO THANH THUY	女	2005-02-13	019305010888	LR 2.3	
34	H42506850200000386	TRAN THI MAI ANH	女	2005-10-10	024305004870	LR 2.3	
35	H42506850200000387	NGUYEN THUY LINH UYEN	女	2003-04-15	038303001623	LR 2.3	
36	H42506850200000388	NGUYEN THI PHUONG NY	女	1994-11-18	036194009682	LR 2.3	
37	H42506850200000389	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2004-10-19	019304004578	LR 2.3	
38	H42506850200000390	DO THI KIM QUYNH	女	2004-04-03	019304010155	LR 2.3	
39	H42506850200000391	HOANG THI THANH HUYEN	女	2006-02-08	020306004233	LR 2.3	



**TRUNG TÂM
KHẢO THÍ
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 2.4**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000392	DO THI YEN NHI	女	2005-10-09	020305006790	LR 2.4	
2	H42506850200000393	LUONG THAO LINH	女	2001-06-26	038301017876	LR 2.4	
3	H42506850200000394	LE VAN TRUONG	男	1992-10-08	038092039588	LR 2.4	
4	H42506850200000395	PHAM THI HOA	女	1997-10-04	038197006573	LR 2.4	
5	H42506850200000396	LE THI LUAN	女	2004-10-05	038304020466	LR 2.4	
6	H42506850200000397	NGUYEN THI TRAM ANH	女	2002-06-18	031302004738	LR 2.4	
7	H42506850200000398	DANG THI QUYNH	女	1996-10-03	026196000228	LR 2.4	
8	H42506850200000399	NGUYEN THI THANH	女	2002-06-19	034302008351	LR 2.4	
9	H42506850200000400	PHAM NGOC QUYNH	男	2002-06-17	034202001306	LR 2.4	
10	H42506850200000401	AN THI HONG NHUNG	女	1999-03-17	037199008206	LR 2.4	
11	H42506850200000402	PHAM THI DUNG	女	1991-06-08	031191021067	LR 2.4	
12	H42506850200000403	LE HUYEN TRANG	女	2005-01-08	025305001164	LR 2.4	
13	H42506850200000404	LE MAI TRANG	女	2002-07-17	038302016855	LR 2.4	
14	H42506850200000405	NGUYEN HONG NGOC	女	2003-10-17	001303040349	LR 2.4	
15	H42506850200000406	DANG THAI HIEN ANH	女	2006-12-05	001306052134	LR 2.4	
16	H42506850200000407	DUONG VAN DUY	男	2005-09-03	004205001560	LR 2.4	
17	H42506850200000408	NGUYEN NAM KHANH	男	2003-08-26	001203048732	LR 2.4	
18	H42506850200000409	VU PHUONG THAO	女	2008-12-04	027308004905	LR 2.4	
19	H42506850200000410	PHAM NGU YEN	女	2007-10-29	036307003227	LR 2.4	
20	H42506850200000411	TRAN MY DUNG	女	2004-07-11	019304009267	LR 2.4	
21	H42506850200000412	PHAM THANH HUYEN	女	2008-12-15	034308006572	LR 2.4	
22	H42506850200000413	NGUYEN THI THANH HA	女	2008-12-01	034308015128	LR 2.4	
23	H42506850200000414	BUI THI SOAN	女	1993-08-20	019193009627	LR 2.4	
24	H42506850200000415	NGUYEN THI HONG VAN	女	1996-02-10	040196028482	LR 2.4	
25	H42506850200000416	VU THI THU HUONG	女	2001-08-12	035301004188	LR 2.4	
26	H42506850200000417	PHUNG TUAN ANH	男	2003-05-27	022203007254	LR 2.4	
27	H42506850200000418	NGUYEN VAN HIEU	男	2000-10-07	030200003321	LR 2.4	
28	H42506850200000419	TRAN DANG KHOA	男	2004-10-09	040204003623	LR 2.4	
29	H42506850200000420	LE MINH ANH	女	2008-08-02	001308052226	LR 2.4	
30	H42506850200000421	TRAN THI PHUONG QUYNH	女	1999-02-25	001199033266	LR 2.4	
31	H42506850200000422	LY THI QUYEN	女	2002-10-26	020302003558	LR 2.4	
32	H42506850200000423	NGUYEN BAO NGOC	女	2009-08-11	022309012595	LR 2.4	
33	H42506850200000424	BUI THU THU HUONG	女	2006-09-08	034306011731	LR 2.4	
34	H42506850200000425	BAN HOAI THUONG	女	2005-05-27	019305000845	LR 2.4	
35	H42506850200000426	NGO THU HUONG	女	2006-06-22	024306000574	LR 2.4	
36	H42506850200000427	NGUYEN THI THU PHUONG	女	2006-03-06	026306008571	LR 2.4	
37	H42506850200000428	HO CAM TU	女	2008-09-25	02230810341	LR 2.4	
38	H42506850200000429	BUI THI ANH	女	2002-01-02	019302003425	LR 2.4	
39	H42506850200000430	VO TUONG VY	女	2008-11-05	040308006203	LR 2.4	

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 2.6

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000431	NGUYEN TO THU THUY	女	2009-10-07	034309015652	LR 2.6	
2	H42506850200000432	DINH XUAN TON	男	1989-10-09	034089005014	LR 2.6	
3	H42506850200000433	PHAM VU THE SANG	男	2008-10-12	031208016878	LR 2.6	
4	H42506850200000434	CAO THI DIEM QUYNH	女	2004-10-29	001304030319	LR 2.6	
5	H42506850200000435	PHAN NGOC NHI	女	2010-02-25	031310011402	LR 2.6	
6	H42506850200000436	VU DIEU HUYEN	女	2008-06-25	025308013456	LR 2.6	
7	H42506850200000437	LUU THI DUNG	女	1995-03-05	026195000652	LR 2.6	
8	H42506850200000438	DAO VAN LY	女	2003-09-16	019303008670	LR 2.6	
9	H42506850200000439	DUONG THI MINH HA	女	2002-09-13	024302004238	LR 2.6	
10	H42506850200000440	NGO THI HOA	女	1991-11-24	036191023456	LR 2.6	
11	H42506850200000441	DO QUYNH ANH	女	2003-12-07	001303042371	LR 2.6	
12	H42506850200000442	NGUYEN THI THU	女	1990-11-01	027190003075	LR 2.6	
13	H42506850200000443	NGUYEN QUOC TUAN	男	2003-01-20	001203017806	LR 2.6	
14	H42506850200000444	TA THI THU TRA	女	2004-03-09	033304006012	LR 2.6	
15	H42506850200000445	NGUYEN DANG KHANH AN	女	2008-11-19	001308029131	LR 2.6	
16	H42506850200000446	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2004-02-16	035304006843	LR 2.6	
17	H42506850200000447	BUI THI THU NGUYET	女	2003-10-12	035303000721	LR 2.6	
18	H42506850200000448	LUU NGOC VIET	男	2008-05-20	033208005264	LR 2.6	
19	H42506850200000449	CHU THI HIEN	女	2003-06-20	035303001616	LR 2.6	
20	H42506850200000450	VU KIEU ANH	女	2008-11-06	001308025381	LR 2.6	
21	H42506850200000451	HOANG THI VAN	女	2006-07-28	022306002710	LR 2.6	
22	H42506850200000452	LE MINH PHUONG	女	2008-02-05	019308011241	LR 2.6	
23	H42506850200000453	BUI PHUONG ANH	女	2006-06-02	036306008117	LR 2.6	
24	H42506850200000454	TRAN PHAM NGOC MAI	女	2004-10-11	036304000417	LR 2.6	
25	H42506850200000455	VU VAN THOI	男	2000-12-12	036200002358	LR 2.6	
26	H42506850200000456	NGUYEN THI BICH HA	女	2004-05-15	036304001248	LR 2.6	
27	H42506850200000457	TRAN THANH HUE	女	2000-06-04	036300002416	LR 2.6	
28	H42506850200000458	NGUYEN THI PHUONG	女	1990-06-01	027190003603	LR 2.6	
29	H42506850200000459	VI MINH CONG	男	1993-10-06	025093017192	LR 2.6	
30	H42506850200000460	NGO GIANG NAM	男	1991-08-17	025091004045	LR 2.6	
31	H42506850200000461	NGUYEN LE THUY CHI	女	2008-10-29	025308006833	LR 2.6	
32	H42506850200000462	NGA THI KIM OANH	女	2005-04-11	008305008228	LR 2.6	
33	H42506850200000463	NGUYEN HOANG AN	男	1998-12-22	001098010085	LR 2.6	
34	H42506850200000464	NGUYEN THI TRAC	女	1990-03-21	002190011008	LR 2.6	
35	H42506850200000465	MAI THI THAN	女	1992-12-15	034192002603	LR 2.6	
36	H42506850200000466	NGUYEN THU LE	女	2008-09-25	025308014256	LR 2.6	
37	H42506850200000467	PHAN THANH NAM	男	2000-10-01	025200006375	LR 2.6	
38	H42506850200000468	DUONG THI THU TRANG	女	2008-06-13	025308013741	LR 2.6	
39	H42506850200000469	TRAN VU TRUC ANH	女	2006-09-17	068306007718	LR 2.6	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 3.10

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000470	NGUYEN LAN HUONG	女	2004-11-06	024304000875	LR 3.10	
2	H42506850200000471	LA THI NGOC HUYEN	女	2003-01-02	026303003343	LR 3.10	
3	H42506850200000472	DUONG THI PHUONG THAO	女	2003-03-05	019303003115	LR 3.10	
4	H42506850200000473	VU THI THU HA	女	1995-12-07	001195006017	LR 3.10	
5	H42506850200000474	PHAN THI NGOC THAO	女	2006-08-15	022306004984	LR 3.10	
6	H42506850200000475	VU THI MY HANH	女	2004-12-24	022304002433	LR 3.10	
7	H42506850200000476	HOANG ANH DUONG	女	2003-10-15	031303007065	LR 3.10	
8	H42506850200000477	GIANG TA MAY	女	2005-06-25	012305006048	LR 3.10	
9	H42506850200000478	TA THI TRANG	女	2000-04-03	019300008317	LR 3.10	
10	H42506850200000479	TRAN THI PHUONG LIEN	女	1999-07-14	035199002105	LR 3.10	
11	H42506850200000480	LE THI THANH THUY	女	2004-03-13	022304010778	LR 3.10	
12	H42506850200000481	CU DANG MINH	男	1990-08-10	031090009443	LR 3.10	
13	H42506850200000482	TRINH THI HOAI	女	1996-01-20	034196012344	LR 3.10	
14	H42506850200000483	NGUYEN THI KIEU TRANG	女	2003-08-23	019303002940	LR 3.10	
15	H42506850200000484	NGUYEN THI VAN	女	2007-12-07	027307010963	LR 3.10	
16	H42506850200000485	PHAM THI BICH DIEP	女	1997-04-08	027197005820	LR 3.10	
17	H42506850200000486	NGUYEN KHAC LUONG	男	2006-08-27	001206072026	LR 3.10	
18	H42506850200000487	NGUYEN TRUNG KIEN	男	1994-10-26	001094034346	LR 3.10	
19	H42506850200000488	PHAM TO NHU	女	2008-02-23	024308013741	LR 3.10	
20	H42506850200000489	DUONG VI LINH CHI	女	2007-02-25	020307000059	LR 3.10	
21	H42506850200000490	NGUYENDUC HIEP	男	1990-09-02	019090013959	LR 3.10	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 3.7

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000491	NGUYEN THI THUYEN	女	1995-02-02	038195016327	LR 3.7	
2	H42506850200000492	NGUYEN THI HONG NGOC	女	2005-05-16	010305000545	LR 3.7	
3	H42506850200000493	LE THI THUY DUNG	女	2003-03-13	038303002249	LR 3.7	
4	H42506850200000494	PHAM THI PHUONG MAI	女	2004-05-30	031304006895	LR 3.7	
5	H42506850200000495	DANG THE LINH	男	1992-10-15	025092005484	LR 3.7	
6	H42506850200000496	NGUYEN QUYNH HUONG	女	2003-12-26	001303011749	LR 3.7	
7	H42506850200000497	THUNG THI TINH	女	2001-03-18	012301004578	LR 3.7	
8	H42506850200000498	DANG VAN TOAN	男	1993-06-07	026093014920	LR 3.7	
9	H42506850200000499	NGUYEN CHI CUONG	男	2003-02-12	067203001473	LR 3.7	
10	H42506850200000500	LE THI PHUONG LIEN	女	1994-05-05	025194002191	LR 3.7	
11	H42506850200000501	LE THI THU HONG	女	1996-02-28	025196005338	LR 3.7	
12	H42506850200000502	LE THU HUONG	女	2001-11-28	036301002670	LR 3.7	
13	H42506850200000503	VU TRUNG KIEN	男	1986-05-23	027086012379	LR 3.7	
14	H42506850200000504	TRAN THI NGOC LINH	女	2004-11-16	025304006356	LR 3.7	
15	H42506850200000505	DANG THI THOM	女	2008-02-18	024308010593	LR 3.7	
16	H42506850200000506	TRAN THANH BINH	女	2008-05-19	026308012354	LR 3.7	
17	H42506850200000507	LUONG THI THANH NGAN	女	2008-10-25	024308009341	LR 3.7	
18	H42506850200000508	TRAN NGOC MAI	女	2006-10-28	002306002929	LR 3.7	
19	H42506850200000509	PHAM THI YEN	女	2001-04-30	027301002948	LR 3.7	
20	H42506850200000510	LA VAN NGHIEP	男	2001-07-20	020201004400	LR 3.7	
21	H42506850200000511	KHUAT THI THUONG	女	2003-10-26	019303007768	LR 3.7	
22	H42506850200000512	NGUYEN THI NHU QUYNH	女	2008-04-22	024308008570	LR 3.7	
23	H42506850200000513	NGUYEN THI KHANH NGOC	女	2008-03-23	024308009909	LR 3.7	
24	H42506850200000514	DANG HOANG NGOC ANH	女	2005-10-20	019305002303	LR 3.7	
25	H42506850200000515	NGUYEN PHUONG LINH	女	2008-06-11	024308009613	LR 3.7	
26	H42506850200000516	LE THI HOAI	女	2004-08-02	040304011107	LR 3.7	
27	H42506850200000517	PHAM THI HOAI ANH	女	2006-04-21	008306001610	LR 3.7	
28	H42506850200000518	HOANG THI THAO	女	2008-04-10	015308004170	LR 3.7	
29	H42506850200000519	THACH BAO QUYEN	女	2003-10-20	027303004515	LR 3.7	
30	H42506850200000520	TRAN MINH THUY	女	1993-09-28	036193007046	LR 3.7	
31	H42506850200000521	LE THI DUC HANH	女	2008-03-21	026308003954	LR 3.7	
32	H42506850200000522	HOANG THI KHANH LINH	女	2008-12-11	022308000098	LR 3.7	
33	H42506850200000523	TRAN THI HOAI THUONG	女	2006-09-25	040306022351	LR 3.7	
34	H42506850200000524	NGUYEN THI THU HUYEN	女	2002-12-27	001302030216	LR 3.7	
35	H42506850200000525	VU THI HOANG LE	女	2002-08-13	030302001600	LR 3.7	
36	H42506850200000526	MA THI HIEU	女	2006-04-02	004306003766	LR 3.7	
37	H42506850200000527	NGUYEN THI THU TRANG	女	1997-10-11	010197008239	LR 3.7	
38	H42506850200000528	DO THI TAM	女	2001-07-15	022301004249	LR 3.7	
39	H42506850200000529	TRAN THI THU HUYEN	女	1985-09-25	034185000875	LR 3.7	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 3.8

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000530	DO TIEN ANH	男	2006-02-24	031206002613	LR 3.8	
2	H42506850200000531	PHAM THUC VI	女	2004-08-27	001304004054	LR 3.8	
3	H42506850200000532	DO MINH CHAU	女	2004-05-08	001304002400	LR 3.8	
4	H42506850200000533	LE GIA LINH	女	2005-12-16	038305008529	LR 3.8	
5	H42506850200000534	HOANG NGUYET HANG	女	2000-04-21	024300006764	LR 3.8	
6	H42506850200000535	LE THI VIET HA	女	2008-02-13	038308014613	LR 3.8	
7	H42506850200000536	VU NGOC DUNG	女	2000-03-11	034300007276	LR 3.8	
8	H42506850200000537	TRAN NAM ANH	男	2003-11-01	019203000928	LR 3.8	
9	H42506850200000538	DAM THU HA	女	2003-09-16	026303003480	LR 3.8	
10	H42506850200000539	NGUYEN THI TUOI	女	2005-04-04	026305010022	LR 3.8	
11	H42506850200000540	PHAN THI QUYNH TRANG	女	2001-07-09	036301003287	LR 3.8	
12	H42506850200000541	LAM THUY DUNG	女	2003-11-02	034303005350	LR 3.8	
13	H42506850200000542	NGUYEN THI THINH	女	2003-11-15	026303006422	LR 3.8	
14	H42506850200000543	TRAN HONG HANH	女	2002-04-24	026302003732	LR 3.8	
15	H42506850200000544	TRAN HAI NAM	男	2008-10-18	001208017803	LR 3.8	
16	H42506850200000545	DINH THI MY LINH	女	2005-08-11	019305002555	LR 3.8	
17	H42506850200000546	TRAN TO ANH	女	2014-09-15	02893326	LR 3.8	
18	H42506850200000547	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2003-10-20	019303004157	LR 3.8	
19	H42506850200000548	NGUYEN THI HONG	女	2003-01-15	034303002164	LR 3.8	
20	H42506850200000549	NGUYEN MINH THUY	女	2007-12-24	027307003783	LR 3.8	
21	H42506850200000550	TRUONG THI MINH HOA	女	2000-10-01	035300000629	LR 3.8	
22	H42506850200000551	TRAN NGOC ANH	女	2006-05-01	022306007817	LR 3.8	
23	H42506850200000552	DO THAO VAN	女	2006-06-24	002306001742	LR 3.8	
24	H42506850200000553	NGUYEN MINH HANH	女	2004-10-06	022304002556	LR 3.8	
25	H42506850200000554	NGUYEN THI LIEN	女	2008-10-16	019308004845	LR 3.8	
26	H42506850200000555	LE THI THUY TRANG	女	2008-01-01	015308003314	LR 3.8	
27	H42506850200000556	NGUYEN YEN NHI	女	2008-06-24	024308004620	LR 3.8	
28	H42506850200000557	LA NGAN AN	女	2008-01-30	024308005130	LR 3.8	
29	H42506850200000558	NGUYEN THI THANH HAU	女	2008-02-09	024308006515	LR 3.8	
30	H42506850200000559	TA DINH DINH DUY	男	2008-11-11	037208000403	LR 3.8	
31	H42506850200000560	PHAM THANH VAN	女	1994-12-09	036194000243	LR 3.8	
32	H42506850200000561	LONG VAN TIEN	男	2000-03-07	004200002941	LR 3.8	
33	H42506850200000562	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2000-06-09	019300004690	LR 3.8	
34	H42506850200000563	THAN THI YEN NHI	女	2008-08-27	024308004902	LR 3.8	
35	H42506850200000564	HOANG THI NHU HOAI	女	2006-08-10	036306019141	LR 3.8	
36	H42506850200000565	DAU THI QUYNH CHI	女	1995-09-02	042195000300	LR 3.8	
37	H42506850200000566	NGUYEN NGOC ANH	女	2006-08-28	025306007750	LR 3.8	
38	H42506850200000567	LY THI SINH	女	2000-02-12	002300003128	LR 3.8	
39	H42506850200000568	CHU HUYEN TRANG	女	2003-10-02	024303014028	LR 3.8	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 3.9

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000569	LINH THU DIEU	女	2005-11-13	020305001948	LR 3.9	
2	H42506850200000570	NGUYEN NGOC BICH	女	2003-03-26	027303001061	LR 3.9	
3	H42506850200000571	HOANG THANH NGA	女	2008-09-14	038308009132	LR 3.9	
4	H42506850200000572	TA THI HOAI THUONG	女	2004-06-12	024304000473	LR 3.9	
5	H42506850200000573	CHU HA PHUONG	女	2006-01-30	027306012340	LR 3.9	
6	H42506850200000574	NGO THI PHUONG ANH	女	2006-09-09	027306009010	LR 3.9	
7	H42506850200000575	PHAM THI HONG NHAT	女	2005-07-13	031305007147	LR 3.9	
8	H42506850200000576	CHU NGUYEN MAI NGAN	女	2006-08-29	027306007236	LR 3.9	
9	H42506850200000577	NGUYEN HUONG GIANG	女	2004-12-03	001304016904	LR 3.9	
10	H42506850200000578	BUI THAI LY	女	2004-10-16	017304000854	LR 3.9	
11	H42506850200000579	NGUYEN NGAN HANG	女	2004-09-09	022304005902	LR 3.9	
12	H42506850200000580	TRAN NINH GIANG	女	2003-09-24	027303003924	LR 3.9	
13	H42506850200000581	NGUYEN TRANG NHUNG	女	2004-05-03	025304001777	LR 3.9	
14	H42506850200000582	PHAM THI NGA	女	1989-08-17	024189006990	LR 3.9	
15	H42506850200000583	DINH THI HUONG	女	1992-01-01	024192004465	LR 3.9	
16	H42506850200000584	NGUYEN THI MY LINH	女	2003-01-10	040303009011	LR 3.9	
17	H42506850200000585	LUONG THI BAO VY	女	2007-09-10	004307002993	LR 3.9	
18	H42506850200000586	DAO THU HUE	女	2007-02-22	004307005099	LR 3.9	
19	H42506850200000587	HOANG THI THUY TRAM	女	2007-03-18	004307000178	LR 3.9	
20	H42506850200000588	NGUYEN ANH DUC	男	1998-06-21	042098006585	LR 3.9	
21	H42506850200000589	DO DOAN NGOC ANH	女	2007-09-28	031307015366	LR 3.9	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.7.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42506850200000590	NGUYEN HOANG MINH	男	2008-09-14	024208016194	IE 4.13	
2	H42506850200000591	NGUYEN THI HA PHUONG	女	2008-05-26	024308012123	IE 4.13	
3	H42506850200000592	NGUYEN THI VAN	女	1996-10-16	024196006934	IE 4.13	
4	H42506850200000593	HUYNH THI QUYNH ANH	女	2004-03-18	022304002530	IE 4.13	
5	H42506850200000594	LE TRONG TUAN	男	2004-02-15	066204018970	IE 4.13	
6	H42506850200000595	PHUN THI HUYEN	女	2006-03-22	022306004507	IE 4.13	
7	H42506850200000596	NGUYEN VAN DUONG	男	2008-10-28	036208018620	IE 4.13	
8	H42506850200000597	TRAN THI HONG NHUNG	女	1995-08-26	035195007653	IE 4.13	
9	H42506850200000598	HOANG NHU BAO	女	2003-09-10	014303001209	IE 4.13	
10	H42506850200000599	PHAM THI THANH XUAN	女	1999-11-23	034199003015	IE 4.13	
11	H42506850200000600	NGO LE ANH VAN	女	2008-03-18	031308015949	IE 4.13	
12	H42506850200000601	HOANG THI QUYNH	女	2001-10-03	036301009526	IE 4.13	
13	H42506850200000602	LE HAI NGUYEN	女	2002-10-14	031302009060	IE 4.13	
14	H42506850200000603	DO NGUYEN PHUONG NGAN	女	2008-12-08	031308013734	IE 4.13	
15	H42506850200000604	DANG PHUONG LINH	女	2006-09-16	001306061630	IE 4.13	
16	H42506850200000605	LE PHUONG NGA	女	2009-10-03	008309008850	IE 4.13	
17	H42506850200000606	NGUYEN THU HIEN	女	2009-09-08	001309010852	IE 4.13	
18	H42506850200000607	LUONG THI HOAN	女	2003-08-04	024303012854	IE 4.13	
19	H42506850200000608	DO THI TUYET NHI	女	2008-07-25	038308015060	IE 4.13	
20	H42506850200000609	HOANG THU HONG	女	2008-08-17	001308021957	IE 4.13	
21	H42506850200000610	VUONG NGOC LINH	女	2008-01-04	001308049913	IE 4.13	
22	H42506850200000611	DINH HA CHI	女	2008-09-24	030308004524	IE 4.13	
23	H42506850200000612	DINH MY CHI	女	2008-09-24	030308009931	IE 4.13	
24	H42506850200000613	NGHIEM PHUONG ANH	女	2008-06-01	030308002185	IE 4.13	
25	H42506850200000614	NGUYEN THI THUAN	女	2000-04-12	042300005262	IE 4.13	
26	H42506850200000615	NGUYEN HUYEN TRANG	女	2007-09-26	037307009134	IE 4.13	
27	H42506850200000616	VU THI MINH HONG	女	2008-02-15	038308012104	IE 4.13	
28	H42506850200000617	PHAM TRUNG KHANH	女	2006-09-05	001206035520	IE 4.13	
29	H42506850200000618	DO MINH ANH	女	2003-03-28	034303002526	IE 4.13	
30	H42506850200000619	LY HOA PHUONG	女	2005-01-13	022305011176	IE 4.13	
31	H42506850200000620	CHU THI HONG NGOC	女	2006-11-23	033306009486	IE 4.13	
32	H42506850200000621	DAO DINH HIEU ANH	男	2008-12-16	031208017711	IE 4.13	
33	H42506850200000622	CAO THI YEN NHI	女	2008-12-15	022308002054	IE 4.13	
34	H42506850200000623	NGO THI THU THANH	女	2008-09-20	022308010843	IE 4.13	
35	H42506850200000624	NGUYEN PHUONG THUY	女	2008-12-29	022308001132	IE 4.13	
36	H42506850200000625	NGUYEN TRUONG GIANG	男	2004-08-27	022204004082	IE 4.13	
37	H42506850200000626	PHAM THI HANG	女	1992-04-09	024192001114	IE 4.13	
38	H42506850200000627	NGUYEN LE MINH CHAU	女	2009-03-30	025309010719	IE 4.13	
39	H42506850200000628	NGUYEN HOANG ANH	男	2008-08-31	025208013933	IE 4.13	